

“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ đã ra các văn bản về quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Trong quy chế đó đã nêu rõ:

- Những việc cần thông báo cho nhân dân biết.

- Những việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp.

- Những việc nhân dân bàn, tham gia ý kiến, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định.

- Những việc nhân dân giám sát, kiểm tra.

- Vấn đề xây dựng cộng đồng dân cư ở xã, phường, thị trấn.

Do luật và quy chế Nhà nước chưa thể giải quyết được mọi vấn đề của dân, nên ở khu phố, ở thôn ấp, ở tổ dân phố, tổ nhân dân, dân còn làm thêm quy ước, hương ước, tức là lệ làng.

Để thực hiện tốt quy chế, quy ước dân chủ, hệ thống chính trị ở xã, phường, thị trấn thường xuyên phải được củng cố. Phải coi việc xây dựng Đảng bộ cơ sở trong sạch, vững mạnh là vấn đề then chốt. Phải bố trí những người đã được huấn luyện, có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có năng lực làm việc, được nhân dân tin nhiệm vào các vị trí chủ chốt. Nơi có những đồng chí hưu trí, cựu chiến binh còn sức khỏe, còn minh mẫn được nhân dân tin cậy, cần vận động làm tổ trưởng tổ dân phố, tổ nhân dân.

Công việc ở xã, phường, thị trấn rất nhiều và rất phức tạp, phải hết sức quan tâm giải quyết cho cán bộ chuyên trách đủ sống để an tâm công tác và giữ gìn được tư cách.

Năm vấn đề trên cũng là năm bài học kinh nghiệm rút ra từ việc xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, từ ngày Thành phố được giải phóng đến nay. Những bài học này về lâu dài vẫn còn có ý nghĩa lớn.

ỨNG DỤNG NGHIÊN CỨU NHÂN HỌC VĂN HÓA

TRONG VIỆC TÌM HIỂU THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG CỦA VIỆT NAM SANG CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (TRƯỜNG HỢP MALAYSIA)

Ths. PHAN THỊ HỒNG XUÂN*

1. Nhân học có thể được định nghĩa là một ngành học về bản chất con người, xã hội con người, quá khứ con người. Đây là một ngành học có mục đích miêu tả con người theo nghĩa rộng nhất.

Nhân học là ngành học độc đáo ở chỗ, nó sử dụng những khám phá của các ngành khoa học khác như: sinh học về con người, văn học, nghệ thuật, sử học, ngôn ngữ học, xã hội học, chính trị học, kinh tế học... Từ đó mà kết hợp chúng với những dữ kiện riêng của chính mình để tìm hiểu các yếu tố sinh vật, kinh tế, chính trị, tôn giáo và thân tộc đã tác động với nhau như thế nào để tạo nên đời sống con người ở những giai đoạn, thời kỳ nhất định theo lịch đại và đồng đại. Chính sự liên kết nhiều ngành học trong nghiên cứu đã làm nên giá trị của ngành nhân học với tính toàn diện, là đặc điểm trung tâm của quan điểm nhân học.

2. Để những sản phẩm nghiên cứu của nhân học có thể ứng dụng vào thực tiễn xã hội đang phát triển, bài viết này xin trình bày về vấn đề “Ứng dụng nghiên cứu nhân học văn hóa trong việc tìm hiểu thị trường xuất khẩu lao động của Việt Nam sang các nước Đông Nam Á (trường hợp Malaysia)”.

Nghiên cứu toàn diện về đất nước Malaysia qua lăng kính nhân học văn hóa, thiết nghĩ cũng là một sự đóng góp thiết thực trong việc củng cố mối quan hệ tốt đẹp giữa hai quốc gia Việt Nam và Malaysia. Malaysia là quốc gia đã thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam tương đối sớm (ngày 30/03/1973) mà ở thời điểm lịch sử ấy, một số nước ASEAN khác chưa đồng tình,

(*) Phó Trưởng khoa Đông Nam Á học, Đại học Mở – Bán công TP. Hồ Chí Minh.

chấp nhận. Từ sau khi Việt Nam thống nhất (1975), mối quan hệ giữa hai nước càng được tăng cường. Tại các cuộc hội đàm giữa các nhà lãnh đạo cấp cao của hai nước, Thủ tướng Malaysia Mahathir đã tuyên bố sẵn sàng hợp tác giúp đỡ Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế. Malaysia đã tích cực ủng hộ Việt Nam tham gia Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (APEC), Hội đồng hợp tác lòng chảo Thái Bình Dương (PBECC), Diễn đàn kinh tế Đông Á (EAEC),... Hiện nay, Việt Nam và Malaysia đang xúc tiến đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác đa chiều, đa kích. Chuyến thăm chính thức Malaysia từ ngày 25 đến 28/08/2002 của Phó Thủ tướng thường trực Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng đã mở ra một triển vọng và đường hướng mới cho mối quan hệ đang phát triển tốt đẹp giữa hai nước. Hai bên đã nhất trí đẩy mạnh hơn nữa hợp tác trên các lĩnh vực như lao động, đánh cá, thương mại, đầu tư, du lịch, công nghiệp, giáo dục – đào tạo, văn hóa – thể thao,... nâng kim ngạch thương mại song phương giữa Việt Nam và Malaysia lên 1,5 tỷ USD vào năm 2005. Malaysia đang là nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam lớn thứ hai trong khối ASEAN, với hơn 1 tỷ USD.

Để thực hiện được những mục tiêu, những viễn cảnh tốt đẹp trong quan hệ, hợp tác giữa hai quốc gia, mà trước mắt là triển khai đề án hợp tác lao động và chuyên gia giữa Việt Nam và Malaysia; thiết nghĩ, những đóng góp tìm hiểu văn hóa tộc người, mà cụ thể là **Nghi thức xã giao và phong tục tập quán của người Malay** – dân tộc chủ thể của Malaysia có ý nghĩa ứng dụng. Vì sau khi được sự ủy nhiệm của Thủ tướng Chính phủ,

ngày 12/07/2002, Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm đã có ý kiến về đề án này như sau: “Việc đưa lao động đi làm việc ở Malaysia phải được tiến hành chặt chẽ, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cần chỉ đạo nghiêm túc việc thực hiện thí điểm để rút kinh nghiệm, không làm ô ạt”. Với diện tích và dân số như hiện tại, Malaysia là một quốc gia “đất rộng, người thưa” (diện tích Malaysia tương đương với diện tích của nước ta, nhưng dân số chỉ khoảng ¼ dân số Việt Nam)¹. Để thực hiện được những mục tiêu tăng trưởng kinh tế - xã hội đề ra, đất nước này đang rất cần lực lượng nhân công giá rẻ để thay thế lực lượng lao động là người Indonesia đang làm việc tại đây. Malaysia còn là quốc gia phát triển nhất nhì ở Đông Nam Á, và quan trọng hơn là có tình hình chính trị – xã hội tương đối ổn định. Do vậy, chúng ta xác định đây là một thị trường xuất khẩu lao động ổn định và lâu dài. Tuy hiện nay, đất nước Malaysia rất tha thiết nhận nhiều lao động Việt Nam, nhưng đây là thị trường tương đối đặc biệt – người Malay là dân tộc chủ thể của đất nước này thuộc về nền văn minh Hồi giáo, mọi đường lối, chủ trương của chính phủ Malaysia đều được xây dựng trên nền tảng của Luật Hồi giáo, do vậy trong tiếp xúc với họ, đòi hỏi phải có sự hiểu biết nhất định về những nét đặc trưng của nền văn hóa Malaysia. Đối với lao động xuất khẩu Việt Nam sang Malaysia, những điều cần biết về văn hóa và dân tộc học của nước sở tại là cần thiết. Ví dụ, người Malay rất thích các sản phẩm thủ công mỹ nghệ của chúng ta, nhưng do đặc điểm văn hóa của người Hồi Giáo nên họ không dùng tranh sơn mài có hình người... Ở đây, câu nói của người xưa “Biết mình biết ta trăm trận trăm thắng” vẫn còn nguyên

giá trị của nó. Chính Thủ tướng Malaysia cũng đã nhiều lần phát biểu trước dân chúng đất nước này rằng, để giữ hòa hiếu giữa các tộc người thì điều tối thiểu nhất mà các tộc người trong nhóm Non – Bumiputera cần lưu ý là không nên dùng thịt heo trước mặt người Hồi giáo vốn kiêng không ăn thịt heo,...

Nghi thức xã giao và phong tục tập quán của người Malay

Malaysia là một quốc gia đa tộc, đa tôn giáo. Nền văn hóa đặc sắc của đất nước này là kết tinh của văn hóa nhiều tộc người trên nền tảng văn hóa truyền thống của người bản địa Malay và quốc gia Hồi giáo.

Trong phần này chúng tôi chỉ tập trung trình bày chủ yếu đến nghi thức xã giao và phong tục tập quán của người Malay – dân tộc chủ thể và cũng là đối tượng nghiên cứu của bài viết.

- Các tục lệ trong gia đình:

Theo phong tục tập quán, tất cả các thành viên trong gia đình người Malay, đặc biệt là trẻ con đều kính trọng và yêu mến cha mẹ. Lòng yêu mến kính trọng ấy phải được thể hiện bằng những hành động và cách ứng xử hàng ngày. Phải tỏ ra hiếu thảo và vâng lời cha mẹ, đó là bổn phận của con cái.

Ví dụ, khi được bố mẹ gọi thì người con phải đến ngay, ăn mặc đúng đắn, đội mũ truyền thống. Trước đây, nếu người con trai đến trước mặt cha mẹ mà miệng còn ngậm thuốc lá thì đó là điều hết sức vô lễ, dù cho người con đã lớn tuổi hoặc đã làm cha. Khi có mặt cha mẹ, người đàn ông phải hết sức cung kính, thậm chí không được ngồi bắt chéo chân. Người con gái trong nhà càng phải dịu dàng và nhã nhặn hơn. Nói chung, một quy tắc bất di bất dịch trong quan hệ cư xử đối với những thành viên trong gia đình, một

người Malay là người nhỏ tuổi phải luôn kính trọng người lớn tuổi hơn.

Các gia đình người Malay luôn sống gần gũi thân thiện với láng giềng. Họ đến chia buồn, giúp đỡ, an ủi nhau trong những lúc khó khăn hoạn nạn. Mỗi thành viên trong một gia đình luôn có ý thức kìm nén những hành động, lời nói có thể gây sự hiểu lầm, bất hòa với người hàng xóm. Thân thiện và kính trọng nhau là truyền thống tốt đẹp của người Malay.

- Các nghi thức xã giao và những điều kiêng kỵ:

Về nghi thức xã giao, trước khi bước vào nhà người Malay mọi người đều phải để giày dép ở bên ngoài cửa. Với họ phòng khách cũng là phòng để cầu nguyện, do vậy nếu ta mang luôn dép vào nhà sẽ làm bẩn nhà. Bản tính của người Malay thường hiếu khách, nên khi đến thăm nhà một người Malay nếu chủ nhà vì lịch sự mà nói: “Cứ mang dép vào nhà” thì chúng ta cũng đừng nghe theo mà hãy làm ngược lại điều họ đề nghị.

Khi gặp gỡ, chào hỏi và bắt tay người lớn tuổi cần lưu ý: cách bắt tay của người Malay khác so với cách bắt tay của người phương Tây. Đối với họ, bắt tay đơn giản chỉ là sự va chạm giữa hai lòng bàn tay. Đôi khi người ta chỉ chà các đầu ngón tay với nhau mà thôi. Phần quan trọng của việc bắt tay là một trong hai người hoặc cả hai phải rút tay về đặt ở vị trí trái tim mình hoặc vị trí nào thấp hơn mặt, có thể là mũi hoặc miệng, điều này biểu lộ thông điệp rất vui lòng được gặp chúng ta. Việc bắt tay này chỉ tiến hành giữa hai người cùng phái, nếu khác phái thì họ phải là những người trong gia đình, trong dòng tộc.

Chúng ta cũng cần phải tránh là không được đung hay sờ tay lên

đầu bất cứ một người Malay nào nếu họ chưa cho phép, ngay cả khi thấy một con sâu đậu trên tóc của họ. Nếu gặp phải trường hợp này thì cách tốt nhất là hãy nhắc họ tự lấy con vật ấy xuống. Ta cũng không được gõ lên đầu bất cứ một người Malay nào, dù đó là cử chỉ nựng một đứa trẻ. Do tập tục như vậy nên khi một người Malay muốn cắt tóc, người thợ cắt tóc theo quán tính vẫn cứ phải hỏi xin sự đồng ý cho “sờ” vào đầu của chủ nhân, mặc dù ai cũng biết, đến tiệm cắt tóc là phải “đụng” vào đầu.

Trong những dịp cưới hỏi hay sinh đẻ, khách mời sẽ ngồi trên sàn nhà dự lễ. Phụ nữ không được ngồi xếp bằng, duỗi thẳng chân hay ngồi xồm trong nhà mà phải gập gọn hai chân sang một bên (trái hoặc phải) và bàn chân cũng phải khép sát vào mình hoặc cũng có thể ngồi như quỳ gối thấp.

Người Malay rất thích tặng quà và được tặng quà. Họ sẽ mở ngay món quà trước mặt người tặng để bày tỏ sự yêu thích món quà, cũng như nói lời cảm ơn đến người tặng. Nếu người Malay tặng quà, họ cũng yêu cầu chúng ta mở ngay quà tặng. Họ sẽ rất vui nếu ta tỏ ra thích thú đối với món quà, khen và cảm ơn họ.

Đối với việc tặng quà, chúng ta cũng cần phải hiểu đặc tính tâm lý dân tộc của người Malay, để cẩn trọng trong việc chọn và tặng quà.

Nếu muốn thăm người bạn Malay mới sanh thì có thể chọn bất cứ quà gì cũng được. Nếu cô ấy còn ở trong bệnh viện thì hoa là món quà phổ biến nhất, nhưng khi thăm tại nhà thì nên mua quà cho em bé. Nếu ta biết họ đang cần tiền thì nên tặng tiền, nhưng phải thật thận trọng và tế nhị, tiền nên để trong bao thư đưa cho bà mẹ mới sanh và nói: “Một chút quà riêng tặng em bé”... Khi đến

thăm sản phụ, phụ nữ phải mặc đồ dài phủ chân và tay (nếu là phụ nữ Hồi giáo thì phải có khăn che đầu); nam giới mặc áo *Batik* dài tay.

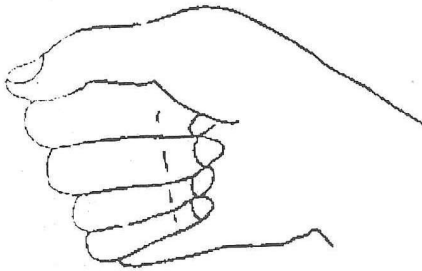
Nếu đi dự sinh nhật thì không có điều cấm kỵ nào trong việc tặng quà. Hoa có thể sử dụng cho cả phái nam và nữ. Nếu muốn tặng tiền thì nên tặng kèm với thiệp mừng sinh nhật. Khi đưa phải chỉ bao thư và nói: “để anh (chị, ông, bà...) tùy nghi sử dụng”. Khi đi dự tiệc sinh nhật, chúng ta có thể mặc bất cứ trang phục gì, ngoại trừ quần đùi hay quần bó. Tuy nhiên nam giới nên mặc áo dài tay. Nếu đi dự lễ cưới, quà tặng nên là những đồ gia dụng, đặc biệt là lò nướng điện, nồi cơm điện. Nếu tặng tiền thì phải chú ý đến thời điểm trao: chỉ đưa cho ba mẹ của cô dâu ngay khi vừa đến, hoặc trước khi ra về. Đặt tiền trong bao thư nhỏ, một cách kín đáo, nhấn bao thư vào lòng bàn tay của ba mẹ cô dâu khi ta bắt tay lúc mới đến, hoặc khi chào tạm biệt và nói nhỏ: “Một món quà nhỏ thân tặng đôi vợ chồng trẻ”. Quà cưới cũng có thể được gửi đến trước (thường là ở nhà ba mẹ cô dâu) hoặc có thể đem theo khi đến dự lễ cưới. Khi dự lễ cưới phụ nữ phải mặc đồ *Baju Melayu*, nam có thể mặc thường phục (nếu lễ cưới được tổ chức ở khách sạn hay nhà hàng) hoặc mặc áo dài tay *Batik* (nếu tổ chức tại nhà).

Nếu đi viếng đám ma cần phải chú ý đến cách ăn mặc và màu sắc của quần áo. Người Malay thường mặc đồ *Baju Melayu* màu trắng (cả nam lẫn nữ) khi đi đám ma. Phụ nữ phải có khăn choàng trên đầu. Nếu nam giới đang trong trạng thái say rượu thì tốt nhất nên ở nhà, không nên đến viếng người mất. Đối với phụ nữ, không là tín đồ Hồi giáo thì phải mặc đồ che phủ tay và đầu gối, không được mặc áo bông sặc sỡ;

quần cũng là màu tối như xám, xanh dương, nâu; đội hay không đội nón đều được. Nếu không phải là tín đồ Hồi giáo thì nam giới có thể mặc thường phục và thắt Cravat, quần tây, áo Chemesse nhưng phải là màu tối và phải được ủi thẳng.

Theo phong tục, trong các bữa tiệc, đặc biệt là trong lễ cưới, khách mời không được dùng ngón trỏ chỉ bất cứ vật gì mà mình muốn biểu thị. Nếu muốn chỉ vào vật hoặc một người nào đó phải nắm bàn tay phải lại và dùng ngón cái để chỉ đến vật hoặc một người nào đó.

Dùng ngón tay trái để chỉ vật hoặc người mà mình muốn nói đến



* Ảnh minh họa

Nếu muốn giúp đỡ người Malay thì không bao giờ được dùng tay trái mà phải dùng tay phải. Theo phong tục tập quán của người Malay, tay trái được xem là tay bẩn, họ sử dụng tay trái khi đi vệ sinh, vì vậy mọi động tác như vẫy tay, chỉ đồ vật... đều chỉ được dùng bàn tay phải. Khi sang Malaysia để nghiên cứu đề tài (năm 1995), lúc đầu tôi đã thiếu sót không nghiên cứu trước những điều kiêng kỵ cũng như phong tục tập quán của người Malay, nên khi sang cùng ăn cơm thân mật với họ (ăn bốc) tôi đã dùng tay trái. Các bạn người Malay đã chân tình giải thích ngọn ngành lý do không sử dụng tay trái mà tôi vừa trình bày ở trên.

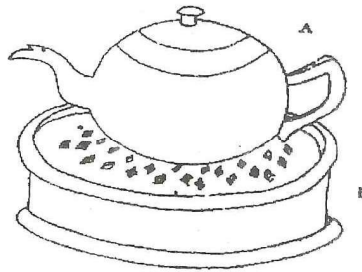
Không được ngồi xếp bằng trước người lớn tuổi vì đó là hành động vô lễ. Điều này không chỉ có tác dụng đối với những gia đình cổ xưa mà ngay cả những gia đình người Malay hiện đại cũng phải tuân thủ nghiêm ngặt.

Nếu muốn tỏ lòng biết ơn đối với chủ nhà, thì trước khi từ biệt, hoặc ngay hôm sau đến thăm nhà họ, chỉ cần gửi món quà nhỏ hay một bó hoa tặng họ là đủ.

Khi ngồi vào bàn ăn, theo phong tục tập quán, người Malay và người Ấn đều sử dụng tay để đưa thức ăn vào miệng. Điều này không bắt buộc đối với khách nước ngoài, tuy nhiên để có thể thân thiện và có mối quan hệ tốt đẹp thì phải “nhập gia tùy tục”. Khi sử dụng tay để ăn cần chú ý những điều sau:

- Trước hết phải rửa tay sạch bằng nước trong ấm *Kendi*. Thật ra chỉ cần rửa tay phải, vì khi ăn chỉ dùng tay phải để bốc thức ăn.

Kendi



A: Ấm đựng nước

B: Đĩa chứa nước

- Mặc dù ăn bằng tay nhưng trên bàn vẫn có muống với thông điệp người nào không quen bốc bằng tay phải, có thể dùng tay trái để cầm muống, nhưng nên nhớ trước khi cầm muống phải nói câu: “Xin lỗi cho phép tôi sử dụng muống”.

- Khi dùng đến món tráng miệng thì phải rửa tay vì chúng thường là món khô. Nếu món tráng miệng là một loại bánh

pudding ăn với sauce hoặc siro (syrup) thì xin cứ tự nhiên dùng muống.

- Nếu ấm đựng nước *Kendi* được chuyển đến từng người thì nên lưu ý chỉ sử dụng một ít nước trong ấm thôi để còn chừa phần cho những người ngồi sau. Cần nhớ là không nên sử dụng giấy mềm để lau tay, nếu không muốn đổ dồn sự chú ý của mọi người trên bàn ăn về phía mình.

- Và một điều cuối cùng phải nhớ khi ngồi vào bàn ăn là không được rời khỏi bàn ăn quá một lần, vì như vậy sẽ buộc những người khác trong bàn dừng lại chờ đợi người mới tiếp tục bữa ăn.

Trên đây là những nghiên cứu bước đầu về phong tục tập quán của người Malay – dân tộc chủ thể của quốc gia đa tộc Malaysia, hy vọng sẽ có những đóng góp thiết thực trong đề án xuất khẩu lao động sang thị trường quốc gia này.

Những phong tục tập quán của người Malay trên đây, nếu được vận dụng như một sự chuẩn bị trước về mặt tâm lý cho lao động Việt Nam trong giai đoạn họ phải làm quen và hội nhập vào xã hội quốc gia mới đến, thì thiết nghĩ những khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa, lối sống của người Malay chắc chắn sẽ không còn là những rào cản đối với công dân Việt Nam – vốn có một nền văn hóa không hoàn toàn giống với cư dân bản địa người Malay theo Hồi giáo.

Hiểu biết văn hóa, tâm lý tộc người của các nước trong khu vực chắc chắn sẽ là những đóng góp tích cực của ngành Nhân học với ý nghĩa ứng dụng cho đất nước – hiện đại hóa, hội nhập với khu vực và thế giới.

1. Bắt đầu từ năm 1984, chính sách dân số của Malaysia có thay đổi “Mỗi gia đình nên có 5 con hoặc hơn nữa”. Ở đây, ta thấy có sự khác biệt trong chính sách dân số giữa Việt Nam và Malaysia..